CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 72/OFV/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH Thực Phẩm Orion Vina.

Địa chỉ: Lô E-13-CN đường NA3, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Bến Cát, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: 0274 3553700

Mã số doanh nghiệp: 3700667933

Doanh nghiệp đã được cấp giấy chứng nhận "Chứng nhận hệ thống An toàn thực phẩm FSSC 22000" cho cơ sở sản xuất:

Địa chỉ	Nơi cấp	Số giấy chứng nhận	Ngày cấp
Công ty TNHH Thực Phẩm Orion Vina. Lô E-13-CN đường NA3, khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, TP. Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	SGS	VN21/00045	Hiệu lực từ 28/02/2025 đến 27/02/2028.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: KẸO DẺO KING HẢI TẶC HƯƠNG HỖN HỢP

2. Thành phần: MẠCH NHA MALTOSE, ĐƯỜNG, CHẤT LÀM DÀY (1200, 440, 1442, 407), GELATIN, NƯỚC ÉP TRÁI CÂY CÔ ĐẶC (TÁO, CHANH) (4,2%), CHẤT LÀM ẨM (420(ii)), ĐƯỜNG TREHALOSE, NƯỚC CỐT DỪA, CHẤT ĐIỀU CHỈNH ĐỘ ACID (330, 296, 331(iii)), HƯƠNG LIỆU (TỔNG HỢP, GIỐNG TỰ NHIÊN), CHẤT TẠO MÀU TỰ NHIÊN (150a, 171, 164, 141(ii), 100(i)), NƯỚC ÉP CÀ RỐT ĐEN CÔ ĐẶC, CHẤT LÀM BÓNG (903, 901).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất: được in trên bao bì (ngày/ tháng/ năm).

Hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: 28,5 g; 53 g; 92 g.
- 28,5 g/gói x 10 gói/dây x 12 dây/thùng.
- 53 g/gói x 10 gói/ khay x 4 khay/thùng.
- 92 g/gói x 10 gói/ khay x 4 khay/thùng.
- Chất liệu bao bì tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm: PET/VMPET/CPP.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm

Công ty TNHH Thực Phẩm Orion Vina.

Địa chỉ: Lô E-13-CN đường NA3, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Bến Cát, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm)

Nhãn sản phẩm phù hợp với nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 04 năm 2017 của Thủ tướng chính phủ về nhãn hàng hóa, nghị định 111/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 43/2017/NĐ-CP, thông tư số 09/VBHN-BYT quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Công ty sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. **Chỉ tiêu kim loại nặng:** QCVN 8-2:2011/BYT_Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố	Tham khảo nhóm
1	Chì	ppm	≤ 0,5	Đường
2	Cadimi	ppm	≤ 1,0	
3	Arsen	ppm	≤ 1,0	
4	Thủy ngân	ppm	≤ 0,05	

2. **Chỉ tiêu độc tố vi nấm:** QCVN 8-1:2011/BYT_Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

STT	Tên độc tố vi nấm	Đơn vị tính	Mức công bố	Tham khảo nhóm
1	Patulin	ppb	≤ 50	Nước quả ép, nước quả ép cô đặc hoàn nguyên, necta quả

3. **Tiêu chuẩn nhà sản xuất:**

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/g	$\leq 10^4$
2	*Tổng số Coliforms*	cfu/g	≤ 10
3	*Staphylococcus aureus*	cfu/g	≤ 10
4	Tổng nấm men, nấm mốc	cfu/g	$\leq 10^2$

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2025.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY

(Ký tên, đóng dấu)

M.S.D.N: 3700667933-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ORION VINA
TP. BẾN CÁT - BÌNH DƯƠNG

MAI THỊ THÊM

M.S.D.N:3700667933-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY
TNHH
THỰC PHẨM
ORION VINA
TP BẾN CÁT - T.BÌNH DƯƠNG

MỞ

ORION

KẸO DẺO KING HẢI TẶC HƯƠNG HỖN HỢP

• THÀNH PHẦN:
MACH NHA MALTOSE, ĐƯỜNG, CHẤT LÀM DÀY (1200, 440, 1442, 407), GELATIN, NƯỚC ÉP TRÁI CÂY CÔ ĐẶC (RÁO, CHANH) (4,2%), CHẤT LÀM ẨM (420(ii)), ĐƯỜNG TREHALOSE, NƯỚC CỐT DỪA, CHẤT ĐIỀU CHỈNH ĐỘ ACID (330, 296, 331(iii)), HƯƠNG LIỆU (TỔNG HỢP, GIỐNG TỰ NHIÊN), CHẤT TẠO MÀU TỰ NHIÊN (150a, 171, 164, 141(ii), 100(ii)), NƯỚC ÉP CÀ RỐT ĐEN CÔ ĐẶC, CHẤT LÀM BÓNG (903, 901).

Giá Trị Dinh Dưỡng	
Thông tin dinh dưỡng trung	100 g
Năng lượng	320 kcal
Carbohydrat	74,9 g
Đường tổng số	53,3 g
Chất béo	0,3 g
Natri	62 mg
Chất đạm	4,4 g

LƯU Ý:
• DÙNG NGAY SAU KHI MỞ GÓI. TRẺ EM CẦN CÓ SỰ GIÁM SÁT CỦA NGƯỜI LỚN KHI ĂN.
• BẢO QUẢN SẢN PHẨM Ở NƠI KHÔ RÁO, THOÁNG MÁT, NHIỆT ĐỘ DƯỚI 35°C VÀ TRÁNH ÁNH NẮNG TRỰC TIẾP.
• CÓ THỂ KHÔNG ĐỦ CÁC HƯƠNG VỊ CÁC HÌNH TRONG MỘT GÓI.
• XUẤT XỨ VIỆT NAM
• HÌNH ẢNH MANG TÍNH CHẤT MINH HỌA CHO SẢN PHẨM.

MỌI THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM VÙI LÒNG LIÊN HỆ TỪ 8H00 - 17H00 HÀNG NGÀY (TRỪ THỨ BẢY, CHỦ NHẬT VÀ NGÀY LỄ): 1900.63.36.37

King Hải Tặc
Cola & Trái Cây bùng nổ

• SẢN XUẤT TẠI CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ORION VINA, LÔ E-13-CN, ĐƯỜNG NA3, KHU CÔNG NGHIỆP MỸ PHƯỚC 2, PHƯỜNG BẾN CÁT, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.
• THEO BẢN QUYỀN THƯƠNG HIỆU ORION CỦA TẬP ĐOÀN ORION, HÀN QUỐC.
• NGÀY SẢN XUẤT (NSX): ĐƯỢC IN TRÊN BAO BÌ (NGÀY/THÁNG/NĂM).

8 936029 423471

NSX:

HẠN SỬ DỤNG: 12 THÁNG KỂ TỪ NGÀY SẢN XUẤT.

• KHỐI LƯỢNG TỊNH: 28,5 g

M.S.D.N:3700667933-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY
TNHH
THỰC PHẨM
ORION VINA
TP.BẾN CÁT T.BÌNH DƯƠNG

MỞ

KẸO DẺO KING HẢI TẶC HƯƠNG HỖN HỢP

• **THÀNH PHẦN:**
MẠCH NHA MALTOSE, ĐƯỜNG, CHẤT LÀM DÀY (1200, 440, 1442, 407), GELATIN, NƯỚC ÉP TRÁI CÂY CÔ ĐẶC (TÁO, DỨA) (4,2%), CHẤT LÀM ẨM (420(ii)), ĐƯỜNG TREHALOSE, NƯỚC CỐT DỪA, CHẤT ĐIỀU CHỈNH ĐỘ ACID (330, 296, 331(iii)), HƯƠNG LIỆU (TỔNG HỢP, GIỐNG TỰ NHIÊN), CHẤT TẠO MÀU TỰ NHIÊN (150a, 171, 164, 141(ii), 100(ii)), NƯỚC ÉP CÀ RỐT ĐEN CÔ ĐẶC, CHẤT LÀM BÓNG (903, 901).

Giá Trị Dinh Dưỡng

Thông tin dinh dưỡng trung	100 g
Năng lượng	**320 kcal**
Carbohydrat	74,9 g
Đường tổng số	53,3 g
Chất béo	0,3 g
Natri	62 mg
Chất đạm	4,4 g

LƯU Ý:
• DÙNG NGAY SAU KHI MỞ GÓI. TRẺ EM CẦN CÓ SỰ GIÁM SÁT CỦA NGƯỜI LỚN KHI ĂN.
• BẢO QUẢN SẢN PHẨM Ở NƠI KHÔ RÁO, THOÁNG MÁT, NHIỆT ĐỘ DƯỚI 25°C VÀ TRÁNH ÁNH NẮNG TRỰC TIẾP.
• CÓ THỂ KHÔNG ĐỦ CÁC HƯƠNG VÀ CÁC HÌNH TRONG MỘT GÓI.
• XUẤT XỨ: VIỆT NAM
• HÌNH ẢNH MANG TÍNH CHẤT MINH HỌA CHO SẢN PHẨM.

NHỌ THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM VUI LÒNG LIÊN HỆ VỚI BAN - TYNHH NĂM NGÀY (TRỪ THỨ BẢY, CHỦ NHẬT VÀ NGÀY LỄ): 1900.63.38.37

ORION

King Hải Tặc

Cola & Trái Cây bùng nổ

Tỏ sự **King Hải Tặc**, bạ cũng khó nổi nhau mạc, coola cây! Hãy thưởng thức vị cương đồng thơm mang hương trái cây, để khám phá ấn tượng đầy thú vị nhé!

• SẢN XUẤT TẠI CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ORION VINA, LÔ E-13-CN, ĐƯỜNG NA3, KHU CÔNG NGHIỆP MỸ PHƯỚC 2, PHƯỜNG BẾN CÁT, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.
• THEO BẢN QUYỀN THƯƠNG HIỆU ORION CỦA TẬP ĐOÀN ORION, HÀN QUỐC.
• NGÀY SẢN XUẤT (NSX): ĐƯỢC IN TRÊN BAO BÌ (NGÀY/THÁNG/NĂM).

8 936029 423471

NSX:

HẠN SỬ DỤNG: 12 THÁNG KỂ TỪ NGÀY SẢN XUẤT.

• KHỐI LƯỢNG TỊNH: **28,5 g**

M.S.D.N:3700667933-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY
TNHH
THỰC PHẨM
ORION VINA
TP.BẾN CÁT - T.BÌNH DƯƠNG

MỞ

ORION

KẸO DẺO KING HẢI TẶC HƯƠNG HỖN HỢP

• THÀNH PHẦN:
MẠCH NHA MALTOSE, ĐƯỜNG, CHẤT LÀM DÀY (1200, 440, 1442, 407), GELATIN, NƯỚC ÉP TRÁI CÂY CÔ ĐẶC (TÁO, CHANH) (4,2%), CHẤT LÀM ẨM (420(ii)), ĐƯỜNG TREHALOSE, NƯỚC CỐT DỪA, CHẤT ĐIỀU CHỈNH ĐỘ ACID (330, 296, 331(iii)), HƯƠNG LIỆU (TỔNG HỢP, GIỐNG TỰ NHIÊN), CHẤT TẠO MÀU TỰ NHIÊN (150a, 171, 164, 141(i)), 100(i)), NƯỚC ÉP CÀ RỐT ĐEN CÔ ĐẶC, CHẤT LÀM BÓNG (903, 901)

Giá Trị Dinh Dưỡng

Thông tin dinh dưỡng trung	100 g
Năng lượng	320 kcal
Carbohydrat	74,9 g
Đường tổng số	53,3 g
Chất béo	0,3 g
Natri	62 mg
Chất đạm	4,4 g

LƯU Ý:
• DÙNG NGAY SAU KHI MỞ GÓI. TRẺ EM CẦN CÓ SỰ GIÁM SÁT CỦA NGƯỜI LỚN KHI ĂN.
• BẢO QUẢN SẢN PHẨM Ở NƠI KHÔ RÁO, THOÁNG MÁT, NHIỆT ĐỘ DƯỚI 30°C VÀ TRÁNH ÁNH NẮNG TRỰC TIẾP.
• CÓ THỂ KHÔNG ĐỦ CÁC HƯƠNG VỊ CÁC HÌNH TRONG MỘT GÓI.
• XUẤT XỨ: VIỆT NAM
• HÌNH ẢNH MANG TÍNH CHẤT MINH HỌA CHO SẢN PHẨM.

MỌI THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM VÀ LÒNG LIÊN HỆ TỪ 8h00 - 17h00 HÀNG NGÀY (TRỪ THỨ BẢY, CHỦ NHẬT VÀ NGÀY LỄ): 1900.63.36.37

• SẢN XUẤT TẠI CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ORION VINA, LÔ E-13-CN ĐƯỜNG NA3, KHU CÔNG NGHIỆP MỸ PHƯỚC 2, PHƯỜNG BẾN CÁT, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
• THEO BẢN QUYỀN THƯƠNG HIỆU ORION CỦA TẬP ĐOÀN ORION, HÀN QUỐC.
• NGÀY SẢN XUẤT (NSX): ĐƯỢC IN TRÊN BAO BÌ (NGÀY THÁNG NĂM).

8 936029 423471

NSX:

HẠN SỬ DỤNG: 12 THÁNG KỂ TỪ NGÀY SẢN XUẤT

• KHỐI LƯỢNG TỊNH: 28,5 g

KẸO DẺO KING HẢI TẶC HƯƠNG HỖN HỢP

• THÀNH PHẦN:

MẠCH NHA MALTOSE, ĐƯỜNG, CHẤT LÀM DÀY (1200, 440, 1442, 407), GELATIN, NƯỚC ÉP TRÁI CÂY CÔ ĐẶC (TÁO, CHANH) (4,2%), CHẤT LÀM ẨM (420(ii)), ĐƯỜNG TREHALOSE, NƯỚC CỐT DỪA, CHẤT ĐIỀU CHỈNH ĐỘ ACID (330, 296, 331(iii)), HƯƠNG LIỆU (TỔNG HỢP, GIỐNG TỰ NHIÊN), CHẤT TẠO MÀU TỰ NHIÊN (150a, 171, 164, 141(ii), 100(i)), NƯỚC ÉP CÀ RỐT ĐEN CÔ ĐẶC, CHẤT LÀM BÓNG (903, 901).

Giá Trị Dinh Dưỡng

Thông tin dinh dưỡng trong	100 g
Năng lượng	**320 kcal**
Carbohydrat	74,9 g
Đường tổng số	53,3 g
Chất béo	0,3 g
Natri	62 mg
Chất đạm	4,4 g

LƯU Ý:

- **DÙNG NGAY SAU KHI MỞ GÓI. TRẺ EM CẦN CÓ SỰ GIÁM SÁT CỦA NGƯỜI LỚN KHI ĂN.**
- **BẢO QUẢN SẢN PHẨM Ở NƠI KHÔ RÁO, THOÁNG MÁT, NHIỆT ĐỘ DƯỚI 35°C VÀ TRÁNH ÁNH NẮNG TRỰC TIẾP.**
- **CÓ THỂ KHÔNG ĐỦ CÁC HƯƠNG VÀ CÁC HÌNH TRONG MỘT GÓI.**
- **XUẤT XỨ: VIỆT NAM**
- **HÌNH ẢNH MANG TÍNH CHẤT MINH HOẠ CHO SẢN PHẨM.**

MỌI THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM VUI LÒNG LIÊN HỆ TỪ 8h00 - 17h00 HÀNG NGÀY (TRỪ THỨ BẢY, CHỦ NHẬT VÀ NGÀY LỄ): 1900.63.36.37

- **SẢN XUẤT TẠI CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ORION VINA.** LÔ E-13-CN ĐƯỜNG NA3, KHU CÔNG NGHIỆP MỸ PHƯỚC 3, PHƯỜNG BẾN CÁT, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.
- **THEO BẢN QUYỀN THƯƠNG HIỆU ORION CỦA TẬP ĐOÀN ORION, HÀN QUỐC.**
- **NGÀY SẢN XUẤT (NSX):** ĐƯỢC IN TRÊN BAO BÌ (NGÀY/ THÁNG/ NĂM).

8 936029 423471

NSX:

HẠN SỬ DỤNG: 12 THÁNG KỂ TỪ NGÀY SẢN XUẤT.

- **KHỐI LƯỢNG TỊNH: 28,5 g**

M.S.D.N: 3700667933-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ORION VINA
BẾN CÁT - T.BÌNH DƯƠNG

M.S.D.N:3700667933-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY
TNHH
THỰC PHẨM
ORION VINA
TP.BẾN CÁT - T.BÌNH DƯƠNG

MỞ

ORION

King Hải Tặc

Cola & Trái Cây bùng nổ

KẸO DẺO KING HẢI TẶC HƯƠNG HỖN HỢP

• THÀNH PHẦN:
MẠCH NHA MALTODSE, ĐƯỜNG, CHẤT LÀM DÀY (1200, 440, 1442, 407), GELATIN, NƯỚC ÉP TRÁI CÂY CÔ ĐẶC (3%), CHANH (4,2%), CHẤT LÀM ẨM (420(ii)), ĐƯỜNG TREHALOSE, NƯỚC CỐT DỪA, CHẤT ĐIỀU CHỈNH ĐỘ ACID (330, 296, 331(iii)), HƯƠNG LIỆU (TỔNG HỢP GIỐNG TỰ NHIÊN), CHẤT TẠO MÀU TỰ NHIÊN (150a, 171, 160, 141(ii), 100(ii)), NƯỚC ÉP CÀ RỐT ĐEN CÔ ĐẶC, CHẤT LÀM BÓNG (903, 901).

Giá Trị Dinh Dưỡng	
Thông tin dinh dưỡng trung	100 g
Năng lượng	**320 kcal**
Carbohydrat	74,9 g
Đường tổng số	53,3 g
Chất béo	0,3 g
Natri	62 mg
Chất đạm	4,4 g

LƯU Ý:
• DÙNG NGAY SAU KHI MỞ GÓI. TRẺ EM CẦN CÓ SỰ GIÁM SÁT CỦA NGƯỜI LỚN KHI ĂN.
• BẢO QUẢN SẢN PHẨM Ở NƠI KHÔ RÁO, THOÁNG MÁT, NHIỆT ĐỘ DƯỚI 30°C VÀ TRÁNH ÁNH NẮNG TRỰC TIẾP.
• CÓ THỂ KHÔNG ĐỦ CÁC MƯỜNG VÀ CÁC HÌNH TRONG MỘT GÓI.
• XUẤT XỨ VIỆT NAM
• HÌNH ẢNH MANG TÍNH CHẤT MINH HỌA CHO SẢN PHẨM.

MỌI THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM VUI LÒNG LIÊN HỆ TỪ 8H00 - 17H00 HÀNG NGÀY (TRỪ THỨ BẢY, CHỦ NHẬT VÀ NGÀY LỄ): 1900.63.36.37

• SẢN XUẤT TẠI CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ORION VINA, LÔ E-13-CN ĐƯỜNG N4A, KHU CÔNG NGHIỆP MỸ PHƯỚC 2, PHƯỜNG BẾN CÁT, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.
• THEO BẢN QUYỀN THƯƠNG HIỆU ORION CỦA TẬP ĐOÀN ORION, HÀN QUỐC.
• NGÀY SẢN XUẤT (NSX): ĐƯỢC IN TRÊN BAO BÌ (NGÀY THÁNG NĂM).

8 936029 423488

NSX:

HẠN SỬ DỤNG: 12 THÁNG KỂ TỪ NGÀY SẢN XUẤT

• KHỐI LƯỢNG TỊNH: 53 g

M.S.D.N:3700667933-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY
TNHH
THỰC PHẨM
ORION VINA
TP.BẾN CÁT - T.BÌNH DƯƠNG

MỞ

ORION

KẸO DẺO KING HẢI TẶC HƯƠNG HỖN HỢP

• THÀNH PHẦN:
MẠCH NHA, MALTOSE, ĐƯỜNG, CHẤT LÀM DÀY (1200, 440, 1442, 407), GELATIN, NƯỚC ÉP TRÁI CÂY CÔ ĐẶC (DÂU, CHANH) (4.2%), CHẤT LÀM ẨM (420(ii)), ĐƯỜNG TREHALOSE, NƯỚC CỐT DỪA, CHẤT ĐIỀU CHỈNH ĐỘ ACID (330, 296, 331(iii)), HƯƠNG LIỆU (TỔNG HỢP GIỐNG TỰ NHIÊN), CHẤT TẠO MÀU TỰ NHIÊN (150c, 171, 164, 141(ii), 100(ii)), NƯỚC ÉP CÀ RỐT ĐEN CÔ ĐẶC, CHẤT LÀM BÓNG (903, 901).

Giá Trị Dinh Dưỡng	
Thông tin dinh dưỡng trung	100 g
Năng lượng	320 kcal
Carbohydrat	74,9 g
Đường tổng số	53,3 g
Chất béo	0,3 g
Natri	62 mg
Chất đạm	4,4 g

LƯU Ý:
• DÙNG NGAY SAU KHI MỞ GÓI. TRẺ EM CẦN CÓ SỰ GIÁM SÁT CỦA NGƯỜI LỚN KHI ĂN.
• BẢO QUẢN SẢN PHẨM Ở NƠI KHÔ RÁO, THOÁNG MÁT, NHIỆT ĐỘ DƯỚI 30°C VÀ TRÁNH ÁNH NẮNG TRỰC TIẾP.
• CÓ THỂ KHÔNG ĐỦ CÁC HƯƠNG VÀ CÁC HÌNH TRONG MỘT GÓI.
• XUẤT XỨ VIỆT NAM
• HÌNH ẢNH MANG TÍNH CHẤT MINH HỌA CHO SẢN PHẨM.

MỌI THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM VUI LÒNG LIÊN HỆ TỪ 8h00 - 17h00 HÀNG NGÀY (TRỪ THỨ BẢY, CHỦ NHẬT VÀ NGÀY LỄ): 1900.63.36.37

King Hải Tặc
Cola & Trái Cây bùng nổ

Từ ấy **King Hải Tặc**, từ cô khả năng phục mục của đây hiệu thường thức tới cung đồng thời mang hương trái cây đã khám phá đại dương đầy thú vị khác.

• SẢN XUẤT TẠI CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ORION VINA, LÔ E-13-CN ĐƯỜNG NA3, KHU CÔNG NGHIỆP MỸ PHƯỚC 2, PHƯỜNG BẾN CÁT, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
• THEO BẢN QUYỀN THƯƠNG HIỆU ORION CỦA TẬP ĐOÀN ORION, HÀN QUỐC.
• NGÀY SẢN XUẤT (NSX): ĐƯỢC IN TRÊN BAO BÌ (NGÀY/THÁNG/NĂM).

8 936029 423488

NSX:

HẠN SỬ DỤNG: 12 THÁNG KỂ TỪ NGÀY SẢN XUẤT

• KHỐI LƯỢNG TỊNH: 53 g

M.S.D.N:3700667933-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY
TNHH
THỰC PHẨM
ORION VINA
TP.BẾN CÁT - T.BÌNH DƯƠNG

KẸO DẺO KING HẢI TẶC HƯƠNG HỖN HỢP

• THÀNH PHẦN:

MẠCH NHA MALTOSE, ĐƯỜNG, CHẤT LÀM DÀY (1200, 440, 1442, 407), GELATIN, NƯỚC ÉP TRÁI CÂY CÔ ĐẶC (TÁO, CHANH) (4,2%), CHẤT LÀM ẨM (420(ii)), ĐƯỜNG TREHALOSE, NƯỚC CỐT DỪA, CHẤT ĐIỀU CHỈNH ĐỘ ACID (330, 296, 331(iii)), HƯƠNG LIỆU (TỔNG HỢP, GIỐNG TỰ NHIÊN), CHẤT TẠO MÀU TỰ NHIÊN (150a, 171, 164, 141(ii), 100(i)), NƯỚC ÉP CÀ RỐT ĐEN CÔ ĐẶC, CHẤT LÀM BÓNG (903, 901).

Giá Trị Dinh Dưỡng

Thông tin dinh dưỡng trong	100 g
Năng lượng	**320 kcal**
Carbohydrat	**74,9 g**
Đường tổng số	53,3 g
Chất béo	**0,3 g**
Natri	**62 mg**
Chất đạm	**4,4 g**

LƯU Ý:

- **DÙNG NGAY SAU KHI MỞ GÓI. TRẺ EM CẦN CÓ SỰ GIÁM SÁT CỦA NGƯỜI LỚN KHI ĂN.**
- **BẢO QUẢN SẢN PHẨM Ở NƠI KHÔ RÁO, THOÁNG MÁT, NHIỆT ĐỘ DƯỚI 35°C VÀ TRÁNH ÁNH NẮNG TRỰC TIẾP.**
- **CÓ THỂ KHÔNG ĐỦ CÁC HƯƠNG VÀ CÁC HÌNH TRONG MỘT GÓI.**
- **XUẤT XỨ: VIỆT NAM**
- **HÌNH ẢNH MANG TÍNH CHẤT MINH HOẠ CHO SẢN PHẨM.**

MỌI THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM VUI LÒNG LIÊN HỆ TỪ 8h00 - 17h00 HÀNG NGÀY (TRỪ THỨ BẢY, CHỦ NHẬT VÀ NGÀY LỄ): 1900.63.36.37

M.S.D.N:3700667933-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ORION VINA
TP BẾN CÁT, T.BÌNH DƯƠNG

- **SẢN XUẤT TẠI CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ORION VINA.** LÔ E-13-CN ĐƯỜNG NA3, KHU CÔNG NGHIỆP MỸ PHƯỚC 2, PHƯỜNG BẾN CÁT, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.
- **THEO BẢN QUYỀN THƯƠNG HIỆU ORION CỦA TẬP ĐOÀN ORION, HÀN QUỐC.**
- **NGÀY SẢN XUẤT (NSX):** ĐƯỢC IN TRÊN BAO BÌ (NGÀY/ THÁNG/ NĂM).

8 936029 423488

NSX:

HẠN SỬ DỤNG: 12 THÁNG KỂ TỪ NGÀY SẢN XUẤT.

- **KHỐI LƯỢNG TỊNH: 53 g**

M.S.D.N:3700667933-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY
TNHH
THỰC PHẨM
ORION VINA
TP BẾN CÁT - T.BÌNH DƯƠNG

MỞ

ORION

KẸO DẺO KING HẢI TẶC HƯƠNG HỖN HỢP

•THÀNH PHẦN:
MẠCH NHA, MALTOSE, ĐƯỜNG, CHẤT LÀM DÀY (1200, 440, 1442, 407), GELATIN, NƯỚC ÉP TRÁI CÂY CÔ ĐẶC (TÁO, CHANH) (4,2%), CHẤT LÀM ẨM (420(ii)), ĐƯỜNG TREHALOSE, NƯỚC CỐT DỪA, CHẤT ĐIỀU CHỈNH ĐỘ ACID (330, 296, 331(iii)), HƯƠNG LIỆU (TỔNG HỢP, GIỐNG TỰ NHIÊN), CHẤT TẠO MÀU TỰ NHIÊN (150a, 171, 164, 141(ii), 100(i)), NƯỚC ÉP CÀ RỐT ĐEN CÔ ĐẶC, CHẤT LÀM BÓNG (903, 901).

Giá Trị Dinh Dưỡng

Thông tin dinh dưỡng trung	100 g
Năng lượng	**320 kcal**
Carbohydrat	74,9 g
Đường tổng số	53,3 g
Chất béo	0,3 g
Natri	62 mg
Chất đạm	4,4 g

LƯU Ý:
- ĐỪNG NGAY SAU KHI MỞ GÓI. THẬT KỸ CẦN CÓ SỰ GIÁM SÁT CỦA NGƯỜI LỚN KHI ĂN.
- BẢO QUẢN SẢN PHẨM Ở NƠI KHÔ RÁO, THOÁNG MÁT, NHIỆT ĐỘ DƯỚI 30°C VÀ TRÁNH ÁNH NẮNG TRỰC TIẾP.
- CÓ THỂ KHÔNG ĐỦ CÁC HƯƠNG VỊ CÁC HÌNH TRONG MỘT GÓI.
- XUẤT XỨ: VIỆT NAM
- HÌNH ẢNH MANG TÍNH CHẤT MINH HOẠ CHO SẢN PHẨM.

MỌI THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM QUÝ LÒNG LIÊN HỆ TỔ ĐƯỜNG - TRONG VÒNG NGÀY (TRỪ THỨ BẢY, CHỦ NHẬT VÀ NGÀY LỄ): 1900.63.36.37

King Hải Tặc
Cola & Trái Cây bùng nổ

"Tôi là **King Hải Tặc**. Tôi rất khó nhằn phun mực cola đây! Hãy thưởng thức tôi cùng đồng bọn mang hương trái cây tới khám phá đại dương đầy thú vị nhé!"

- **SẢN XUẤT TẠI CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ORION VINA.** LÔ E-13-CN DƯỜNG N33, KHU CÔNG NGHIỆP MỸ PHƯỚC 2, PHƯỜNG BẾN CÁT, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.
- **THEO BẢN QUYỀN THƯƠNG HIỆU ORION CỦA TẬP ĐOÀN ORION, HÀN QUỐC.**
- **NGÀY SẢN XUẤT** (NSX): ĐƯỢC IN TRÊN BAO BÌ (NGÀY/THÁNG/NĂM).

8 936029 423495

NSX:

HẠN SỬ DỤNG: 12 THÁNG KỂ TỪ NGÀY SẢN XUẤT.

- **KHỐI LƯỢNG TỊNH: 92 g**

M.S.D.N:3700667933-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY
TNHH
THỰC PHẨM
ORION VINA
TP.BẾN CÁT - T.BÌNH DƯƠNG

MỞ

ORION

KẸO DẺO KING HẢI TẶC HƯƠNG HỖN HỢP

•THÀNH PHẦN:
MẠCH NHA MALTOSE, ĐƯỜNG, CHẤT LÀM DÀY (1200, 440, 1442, 407), GELATIN, NƯỚC ÉP TRÁI CÂY CÔ ĐẶC (1%), OVIN(0) (4,2%), CHẤT LÀM ẨM (1000), ĐƯỜNG TREHALOSE, NƯỚC CỐT DỪA, CHẤT ĐIỀU CHỈNH ĐỘ ACID (330, 296, 331(iii)), HƯƠNG LIỆU (TỔNG HỢP GIỐNG TỰ NHIÊN), CHẤT TẠO MÀU TỰ NHIÊN (150c, 171, 164, 141(i)), 100(i), NƯỚC ÉP CÀ RỐT ĐEN CÔ ĐẶC, CHẤT LÀM BÓNG (903, 901).

Giá Trị Dinh Dưỡng	
Thông tin dinh dưỡng trung	100 g
Năng lượng	**320 kcal**
Carbohydrat	74,9 g
Đường tổng số	53,3 g
Chất béo	0,3 g
Natri	62 mg
Chất đạm	4,4 g

LƯU Ý:
- DÙNG NGAY SAU KHI MỞ GÓI. TRẺ EM CẦN CÓ SỰ GIÁM SÁT CỦA NGƯỜI LỚN KHI ĂN.
- BẢO QUẢN SẢN PHẨM Ở NƠI KHÔ RÁO, THOÁNG MÁT, NHIỆT ĐỘ DƯỚI 30°C VÀ TRÁNH ÁNH NẮNG TRỰC TIẾP.
- CÓ THỂ KHÔNG ĐỦ CÁC HƯƠNG VÀ CÁC HÌNH TRONG MỘT GÓI.
- XUẤT XỨ VIỆT NAM
- HÌNH ẢNH MANG TÍNH CHẤT MINH HỌA CHO SẢN PHẨM.

MỌI THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM VƯ LÒNG LIÊN HỆ TỪ 8h00 - 17h00 HÀNG NGÀY (TRỪ THỨ BẢY, CHỦ NHẬT VÀ NGÀY LỄ)
1900.63.36.37

King Hải Tặc
Cola & Trái Cây bùng nổ

Tự tin **King Hải Tặc**, tự cô khá nổng phun nước cola đầy! Hãy thưởng thức từ cùng những làn mang hương trái cây đi khám phá đại dương đầy thú vị nhé!

- SẢN XUẤT TẠI CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ORION VINA, LÔ E-13-CN ĐƯỜNG NA3, KHU CÔNG NGHIỆP MỸ PHƯỚC 2, PHƯỜNG BẾN CÁT, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.
- THEO BẢN QUYỀN THƯƠNG HIỆU ORION CỦA TẬP ĐOÀN ORION, HÀN QUỐC.
- NGÀY SẢN XUẤT (NSX): ĐƯỢC IN TRÊN BAO BÌ (NGÀY THÁNG NĂM).

8 936029 423495

NSX:

HẠN SỬ DỤNG: 12 THÁNG KỂ TỪ NGÀY SẢN XUẤT.

• KHỐI LƯỢNG TỊNH: **92 g**

M.S.D.N:3700667933-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY
TNHH
THỰC PHẨM
ORION VINA
TP.BẾN CÁT - T.BÌNH DƯƠNG

KẸO DẺO KING HẢI TẶC HƯƠNG HỖN HỢP

•THÀNH PHẦN:

MẠCH NHA MALTOSE, ĐƯỜNG, CHẤT LÀM DÀY (1200, 440, 1442, 407), GELATIN, NƯỚC ÉP TRÁI CÂY CÔ ĐẶC (TÁO, CHANH) (4,2%), CHẤT LÀM ẨM (420(ii)), ĐƯỜNG TREHALOSE, NƯỚC CỐT DỪA, CHẤT ĐIỀU CHỈNH ĐỘ ACID (330, 296, 331(iii)), HƯƠNG LIỆU (TỔNG HỢP, GIỐNG TỰ NHIÊN), CHẤT TẠO MÀU TỰ NHIÊN (150a, 171, 164, 141(ii), 100(i)), NƯỚC ÉP CÀ RỐT ĐEN CÔ ĐẶC, CHẤT LÀM BÓNG (903, 901).

Giá Trị Dinh Dưỡng

Thông tin dinh dưỡng trong	100 g
Năng lượng	**320 kcal**
Carbohydrat	**74,9 g**
Đường tổng số	53,3 g
Chất béo	**0,3 g**
Natri	**62 mg**
Chất đạm	**4,4 g**

LƯU Ý:

- **DÙNG NGAY SAU KHI MỞ GÓI. TRẺ EM CẦN CÓ SỰ GIÁM SÁT CỦA NGƯỜI LỚN KHI ĂN.**
- **BẢO QUẢN SẢN PHẨM Ở NƠI KHÔ RÁO, THOÁNG MÁT, NHIỆT ĐỘ DƯỚI 35°C VÀ TRÁNH ÁNH NẮNG TRỰC TIẾP.**
- **CÓ THỂ KHÔNG ĐỦ CÁC HƯƠNG VÀ CÁC HÌNH TRONG MỘT GÓI.**
- **XUẤT XỨ: VIỆT NAM**
- **HÌNH ẢNH MANG TÍNH CHẤT MINH HOẠ CHO SẢN PHẨM.**

MỌI THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM VUI LÒNG LIÊN HỆ TỪ 8h00 - 17h00 HÀNG NGÀY (TRỪ THỨ BẢY, CHỦ NHẬT VÀ NGÀY LỄ): 1900.63.36.37

- **SẢN XUẤT TẠI CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ORION VINA.** LÔ E-13-CN ĐƯỜNG NA3, KHU CÔNG NGHIỆP MỸ PHƯỚC 2, PHƯỜNG BẾN CÁT, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.
- **THEO BẢN QUYỀN THƯƠNG HIỆU ORION CỦA TẬP ĐOÀN ORION, HÀN QUỐC.**
- **NGÀY SẢN XUẤT (NSX):** ĐƯỢC IN TRÊN BAO BÌ (NGÀY/ THÁNG/ NĂM).

8 936029 423495

NSX:

HẠN SỬ DỤNG: 12 THÁNG KỂ TỪ NGÀY SẢN XUẤT.

- **KHỐI LƯỢNG TỊNH: 92 g**

M.S.D.N:3700667933-C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ORION VINA BẾN CÁT - BÌNH DƯƠNG

Report N°: 0000891769

Ho Chi Minh City, Date: April 10, 2025
TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 10/04/2025

ANALYSIS REPORT
BÁO CÁO PHÂN TÍCH

JOB NO.: 2503A-2598
Đơn hàng: 2503A-2598

CLIENT'S NAME *Tên khách hàng*	:	**ORION FOOD VINA CO., LTD** *CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ORION VINA*
CLIENT'S ADDRESS *Địa chỉ*	:	**LOT E-13-CN, ROAD NA3, MY PHUOC II IZ, BEN CAT CITY, BINH DUONG PROVINCE, VIETNAM** *LÔ E-13-CN ĐƯỜNG NA3, KCN MỸ PHƯỚC 2, P. MỸ PHƯỚC, THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM*

SAMPLE INFORMATION:
THÔNG TIN MẪU

Sampled/ Submitted by *Được lấy/ gửi bởi*	: :	**Client** *Khách hàng*
Client's reference *Chú thích của khách hàng*	: :	**KING HAI TAC JELLY MIXED FLAVORS.** *KẸO DẺO KING HẢI TẶC HƯƠNG HỖN HỢP.*
Sampling date	:	14/03/2025

The above information is submitted and identified by the client/applicant.
Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

Sample description *Mô tả mẫu*	: :	**Food in 04 aluminium containers** *Thực phẩm chứa trong 04 vật chứa bằng nhôm*
Sample ID *Mã số mẫu*	:	**2503A-2598.005**
Sampling information *Thông tin lấy mẫu*	: :	Composited from 04 samples (2503A-2598.001 to 2503A-2598.004) as client`s requirement *Trộn từ 04 mẫu (2503A-2598.001 đến 2503A-2598.004) theo yêu cầu khách hàng*
Date sample(s) received *Ngày nhận mẫu*	: :	March 17, 2025 *17/03/2025*
Testing period *Thời gian thử nghiệm*	: :	March 17, 2025 - March 28, 2025 *17/03/2025 - 28/03/2025*
Test(s) requested *Yêu cầu thử nghiệm*	: :	As applicant's requirement *Theo yêu cầu của khách hàng*
Test result(s) *Kết quả kiểm nghiệm*	: :	Please refer to the next page(s) *Vui lòng tham khảo trang sau*

SGS Vietnam Ltd.
198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

TEST RESULT(S)
KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analyte *Chỉ tiêu phân tích*	Method *Phương pháp*	Result *Kết quả*	LOD	LOQ	Unit *Đơn vị*	Remark *Chú thích*
1. Arsenic (As) *Asen*	AOAC 2013.06	Not Detected *Không phát hiện*	0.005	0.01	mg/kg	
2. Cadmium (Cd) *Cadimi*	AOAC 2013.06	Not Detected *Không phát hiện*	0.005	0.01	mg/kg	
3. Lead (Pb) *Chì*	AOAC 2013.06	Not Detected *Không phát hiện*	0.005	0.01	mg/kg	
4. Mercury (Hg) *Thủy ngân*	AOAC 2013.06	Not Detected *Không phát hiện*	0.005	0.01	mg/kg	

Note/*Ghi chú*:

- All methods were accredited with ISO 17025 by BoA or AOSC (without or with a triangle symbol (Δ) after the methods, respectively), except for the methods/analytes marked with an asterisk (*).
  Tất cả phương pháp được công nhận ISO 17025 bởi BoA hoặc AOSC (không có hoặc có kí hiệu hình tam giác (Δ) tương ứng ngay sau phương pháp), ngoại trừ những phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao (*).

- All methods were performed by SGS Vietnam Ltd (the ones marked with the superscript number one (¹) were performed by SGS Can Tho Lab), except for the ones that were done by subcontractors (their names were mentioned in the parentheses after the method) and marked with two asterisks (**) after the analyte name.
  Tất cả phương pháp thử được thực hiện bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH (phương pháp được đánh dấu với chữ số một bên trên (¹) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ), trừ các phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ (tên nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn ngay sau phương pháp) và được đánh dấu hai sao (**) sau tên chỉ tiêu.

- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.
  Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

- Testing time of all analytes was stated in the "Testing Period" (page 1) unless specified separately.
  Thời gian thử nghiệm của tất cả chỉ tiêu phân tích được đề cập tại "Thời gian thử nghiệm" (trang 1) trừ khi được chỉ rõ riêng.

- LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.
  LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là Không phát hiện.

  LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as <LOQ. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below LOQ, or it was expressed as less than the sum of the individual LOQs of detected analytes when the concentration of all detected analytes was <LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g (or <10 cfu/mL) if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g (or <1 cfu/mL) if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g (or <100 cfu/mL) for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g (or 0 MPN/mL) for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g (or 1 mL) in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g (or 0 MPN/0.1mL) for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g (or 0.1 mL) in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).
  LOQ = Giới hạn định lượng. Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là <LOQ. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn

SGS Vietnam Ltd.
198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng, hoặc được biểu thị dưới dạng nhỏ hơn tổng của các LOQ riêng lẻ của các chất phân tích phát hiện khi nồng độ tất cả các chất phát hiện đều <LOQ. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đổ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g (hoặc <10 cfu/mL) nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g (hoặc <1 cfu/mL) nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g (hoặc <100 cfu/mL) đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/diện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ qui định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g (hoặc 0 MPN/mL) với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g (hoặc 1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g (hoặc 0 MPN/0.1mL) với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g (hoặc 0.1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất).

_(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum analyte.
_(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS
Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

This report cancels and supersedes the report No. 0000891124: date April 10, 2025 issued by SGS Vietnam Ltd.
Báo cáo này hủy bỏ và thay thế cho báo cáo có mã số 0000891124: ngày 10/04/2025 được phát hành bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH.

*** END OF THE REPORT ***

Your feedback helps us improve our service.
Please scan and rate us here

Customer's feedback - Food Lab

Signed for and on behalf of
SGS Vietnam LTD.
Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam TNHH
Lâm Văn Xự

CÔNG TY SGS VIỆT NAM TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN

Lâm Văn Xự
Giám đốc Ngành Sức khỏe & Dinh dưỡng

SGS Vietnam Ltd.
198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Report N°: 0000891776

Ho Chi Minh City, Date: April 10, 2025
TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 10/04/2025

ANALYSIS REPORT
BÁO CÁO PHÂN TÍCH

JOB NO.: 2503A-2598
Đơn hàng: 2503A-2598

CLIENT'S NAME : **ORION FOOD VINA CO., LTD**
Tên khách hàng *CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ORION VINA*

CLIENT'S ADDRESS : **LOT E-13-CN, ROAD NA3, MY PHUOC II IZ, BEN CAT CITY, BINH DUONG PROVINCE, VIETNAM**
Địa chỉ *LÔ E-13-CN ĐƯỜNG NA3, KCN MỸ PHƯỚC 2, P. MỸ PHƯỚC, THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM*

SAMPLE INFORMATION:
THÔNG TIN MẪU

Sampled/ Submitted by : **Client**
Được lấy/ gửi bởi : *Khách hàng*

Client's reference : **KING HAI TAC JELLY MIXED FLAVORS.**
Chú thích của khách hàng : *KẸO DẺO KING HẢI TẶC HƯƠNG HỖN HỢP.*

Sampling date : 14/03/2025

The above information is submitted and identified by the client/applicant.
Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

Sample description : **Food in 04 aluminium containers**
Mô tả mẫu : *Thực phẩm chứa trong 04 vật chứa bằng nhôm*

Sample ID : **2503A-2598.005**
Mã số mẫu

Sampling information : Composited from 04 samples (2503A-2598.001 to 2503A-2598.004) as client`s requirement
Thông tin lấy mẫu : *Trộn từ 04 mẫu (2503A-2598.001 đến 2503A-2598.004) theo yêu cầu khách hàng*

Date sample(s) received : March 17, 2025
Ngày nhận mẫu : *17/03/2025*

Testing period : March 17, 2025 - March 28, 2025
Thời gian thử nghiệm : *17/03/2025 - 28/03/2025*

Test(s) requested : As applicant's requirement
Yêu cầu thử nghiệm : *Theo yêu cầu của khách hàng*

Test result(s) : Please refer to the next page(s)
Kết quả kiểm nghiệm : *Vui lòng tham khảo trang sau*

SGS Vietnam Ltd.
198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

TEST RESULT(S)
KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analyte *Chỉ tiêu phân tích*	Method *Phương pháp*	Result *Kết quả*	LOD	LOQ	Unit *Đơn vị*	Remark *Chú thích*
1. Aflatoxin (sum of B1, B2, G1, G2) *Aflatoxin (tổng của B1, B2, G1, G2)*	LFOD-TST-SOP-8468	Not Detected *Không phát hiện*	_(a)	_(a)	µg/kg	
2. Aflatoxin B1 *Aflatoxin B1*	LFOD-TST-SOP-8468	Not Detected *Không phát hiện*	0.1	0.3	µg/kg	
3. Aflatoxin B2 *Aflatoxin B2*	LFOD-TST-SOP-8468	Not Detected *Không phát hiện*	0.1	0.3	µg/kg	
4. Aflatoxin G1 *Aflatoxin G1*	LFOD-TST-SOP-8468	Not Detected *Không phát hiện*	0.1	0.3	µg/kg	
5. Aflatoxin G2 *Aflatoxin G2*	LFOD-TST-SOP-8468	Not Detected *Không phát hiện*	0.1	0.3	µg/kg	
6. Patulin *Patulin*	LFOD-TST-SOP-8456	Not Detected *Không phát hiện*	10	30	µg/kg	

Note/*Ghi chú*:

- All methods were accredited with ISO 17025 by BoA or AOSC (without or with a triangle symbol (Δ) after the methods, respectively), except for the methods/analytes marked with an asterisk (*).
  Tất cả phương pháp được công nhận ISO 17025 bởi BoA hoặc AOSC (không có hoặc có kí hiệu hình tam giác (Δ) tương ứng ngay sau phương pháp), ngoại trừ những phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao (*).

- All methods were performed by SGS Vietnam Ltd (the ones marked with the superscript number one (¹) were performed by SGS Can Tho Lab), except for the ones that were done by subcontractors (their names were mentioned in the parentheses after the method) and marked with two asterisks (**) after the analyte name.
  Tất cả phương pháp thử được thực hiện bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH (phương pháp được đánh dấu với chữ số một bên trên (¹) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ), trừ các phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ (tên nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn ngay sau phương pháp) và được đánh dấu hai sao (**) sau tên chỉ tiêu.

- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.
  Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

- Testing time of all analytes was stated in the "Testing Period" (page 1) unless specified separately.
  Thời gian thử nghiệm của tất cả chỉ tiêu phân tích được đề cập tại "Thời gian thử nghiệm" (trang 1) trừ khi được chỉ rõ riêng.

- LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.
  LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là Không phát hiện.

  LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as <LOQ. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below LOQ, or it was expressed as less than the sum of the individual LOQs of detected analytes when the concentration of all detected analytes was <LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g (or <10 cfu/mL) if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g (or <1 cfu/mL) if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g (or <100 cfu/mL) for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested;

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g (or 0 MPN/mL) for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g (or 1 mL) in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g (or 0 MPN/0.1mL) for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g (or 0.1 mL) in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).

LOQ = Giới hạn định lượng. Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là <LOQ. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng, hoặc được biểu thị dưới dạng nhỏ hơn tổng của các LOQ riêng lẻ của các chất phân tích phát hiện khi nồng độ tất cả các chất phát hiện đều <LOQ. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đổ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g (hoặc <10 cfu/mL) nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g (hoặc <1 cfu/mL) nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g (hoặc <100 cfu/mL) đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/diện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ qui định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g (hoặc 0 MPN/mL) với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g (hoặc 1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g (hoặc 0 MPN/0.1mL) với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g (hoặc 0.1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất).

_(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum analyte.
_(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS
Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

This report cancels and supersedes the report No. 0000891124: date April 10, 2025 issued by SGS Vietnam Ltd.
Báo cáo này hủy bỏ và thay thế cho báo cáo có mã số 0000891124: ngày 10/04/2025 được phát hành bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH.

*** END OF THE REPORT ***

Your feedback helps us improve our service.
Please scan and rate us here

Customer's feedback - Food Lab

Signed for and on behalf of
SGS Vietnam LTD.
Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam TNHH
Lâm Văn Xự

CÔNG TY SGS VIỆT NAM TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN

Lâm Văn Xự
Giám đốc Ngành Sức khỏe & Dinh dưỡng

SGS Vietnam Ltd.
198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Report N°: 0000891785

Ho Chi Minh City, Date: April 10, 2025
TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 10/04/2025

ANALYSIS REPORT
BÁO CÁO PHÂN TÍCH

JOB NO.: 2503A-2598
Đơn hàng: 2503A-2598

CLIENT'S NAME : **ORION FOOD VINA CO., LTD**
Tên khách hàng *CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ORION VINA*

CLIENT'S ADDRESS : **LOT E-13-CN, ROAD NA3, MY PHUOC II IZ, BEN CAT CITY, BINH DUONG PROVINCE, VIETNAM**
Địa chỉ *LÔ E-13-CN ĐƯỜNG NA3, KCN MỸ PHƯỚC 2, P. MỸ PHƯỚC, THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM*

SAMPLE INFORMATION:
THÔNG TIN MẪU

Sampled/ Submitted by : **Client**
Được lấy/ gửi bởi : *Khách hàng*

Client's reference : **KING HAI TAC JELLY MIXED FLAVORS.**
Chú thích của khách hàng : *KẸO DẺO KING HẢI TẶC HƯƠNG HỖN HỢP.*

Sampling date : 14/03/2025

The above information is submitted and identified by the client/applicant.
Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

Sample description : **Food in 04 aluminium containers**
Mô tả mẫu : *Thực phẩm chứa trong 04 vật chứa bằng nhôm*

Sample ID : **2503A-2598.005**
Mã số mẫu

Sampling information : Composited from 04 samples (2503A-2598.001 to 2503A-2598.004) as client`s requirement
Thông tin lấy mẫu : *Trộn từ 04 mẫu (2503A-2598.001 đến 2503A-2598.004) theo yêu cầu khách hàng*

Date sample(s) received : March 17, 2025
Ngày nhận mẫu : *17/03/2025*

Testing period : March 17, 2025 - March 28, 2025
Thời gian thử nghiệm : *17/03/2025 - 28/03/2025*

Test(s) requested : As applicant's requirement
Yêu cầu thử nghiệm : *Theo yêu cầu của khách hàng*

Test result(s) : Please refer to the next page(s)
Kết quả kiểm nghiệm : *Vui lòng tham khảo trang sau*

SGS Vietnam Ltd.
198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

TEST RESULT(S)
KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analyte *Chỉ tiêu phân tích*	Method *Phương pháp*	Result *Kết quả*	LOD	LOQ	Unit *Đơn vị*	Remark *Chú thích*
1. Total Plate Count (Mesophilic aerobic microorganism) *Tổng số vi sinh vật hiếu khí*	ISO 4833-1:2013/ Amd 1:2022	<10	-	10	cfu/g	
2. Total Coliforms *Coliform tổng*	ISO 4832:2006	<10	-	10	cfu/g	
3. Staphylococcus aureus *Staphylococcus aureus*	US FDA BAM Chapter 12	<10	-	10	cfu/g	
4. Total Yeast and Mold *Tổng nấm men và nấm mốc*	ISO 21527-2:2008	<10	-	10	cfu/g	

Note/*Ghi chú*:

- All methods were accredited with ISO 17025 by BoA or AOSC (without or with a triangle symbol (Δ) after the methods, respectively), except for the methods/analytes marked with an asterisk (*).
  Tất cả phương pháp được công nhận ISO 17025 bởi BoA hoặc AOSC (không có hoặc có kí hiệu hình tam giác (Δ) tương ứng ngay sau phương pháp), ngoại trừ những phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao (*).

- All methods were performed by SGS Vietnam Ltd (the ones marked with the superscript number one (¹) were performed by SGS Can Tho Lab), except for the ones that were done by subcontractors (their names were mentioned in the parentheses after the method) and marked with two asterisks (**) after the analyte name.
  Tất cả phương pháp thử được thực hiện bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH (phương pháp được đánh dấu với chữ số một bên trên (¹) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ), trừ các phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ (tên nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn ngay sau phương pháp) và được đánh dấu hai sao (**) sau tên chỉ tiêu.

- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.
  Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

- Testing time of all analytes was stated in the "Testing Period" (page 1) unless specified separately.
  Thời gian thử nghiệm của tất cả chỉ tiêu phân tích được đề cập tại "Thời gian thử nghiệm" (trang 1) trừ khi được chỉ rõ riêng.

- LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.
  LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là Không phát hiện.

  LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as <LOQ. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below LOQ, or it was expressed as less than the sum of the individual LOQs of detected analytes when the concentration of all detected analytes was <LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g (or <10 cfu/mL) if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g (or <1 cfu/mL) if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g (or <100 cfu/mL) for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g (or 0 MPN/mL) for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g (or 1 mL) in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g (or 0 MPN/0.1mL) for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g (or 0.1 mL) in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).
  LOQ = Giới hạn định lượng. Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể

SGS Vietnam Ltd.
198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

hiện là <LOQ. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng, hoặc được biểu thị dưới dạng nhỏ hơn tổng của các LOQ riêng lẻ của các chất phân tích phát hiện khi nồng độ tất cả các chất phát hiện đều <LOQ. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đổ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g (hoặc <10 cfu/mL) nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g (hoặc <1 cfu/mL) nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g (hoặc <100 cfu/mL) đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/diện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ qui định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g (hoặc 0 MPN/mL) với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g (hoặc 1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g (hoặc 0 MPN/0.1mL) với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g (hoặc 0.1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất).

_(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum analyte.
_(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS
Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

This report cancels and supersedes the report No. 0000891124: date April 10, 2025 issued by SGS Vietnam Ltd.
Báo cáo này hủy bỏ và thay thế cho báo cáo có mã số 0000891124: ngày 10/04/2025 được phát hành bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH.

*** END OF THE REPORT ***

Your feedback helps us improve our service.
Please scan and rate us here

Customer's feedback - Food Lab

Signed for and on behalf of
SGS Vietnam LTD.
Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam TNHH
Lâm Văn Xự

CÔNG TY SGS VIỆT NAM TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
M.S.D.N: 0100114645-C.T.T.N.H.H
QUẬN 3 - T.P. HỒ CHÍ MINH

Lâm Văn Xự
Giám đốc Ngành Sức khỏe & Dinh dưỡng

SGS Vietnam Ltd.
198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Ho Chi Minh City, Date: April 10, 2025
TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 10/04/2025

ANALYSIS REPORT
BÁO CÁO PHÂN TÍCH

JOB NO.: 2503A-2598
Đơn hàng: 2503A-2598

CLIENT'S NAME : **ORION FOOD VINA CO., LTD**
Tên khách hàng : *CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ORION VINA*

CLIENT'S ADDRESS : **LOT E-13-CN, ROAD NA3, MY PHUOC II IZ, BEN CAT CITY, BINH DUONG PROVINCE, VIETNAM**
Địa chỉ : *LÔ E-13-CN ĐƯỜNG NA3, KCN MỸ PHƯỚC 2, P. MỸ PHƯỚC, THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM*

SAMPLE INFORMATION:
THÔNG TIN MẪU

Sampled/ Submitted by : **Client**
Được lấy/ gửi bởi : *Khách hàng*

Client's reference : **KING HAI TAC JELLY MIXED FLAVORS.**
Chú thích của khách hàng : *KẸO DẺO KING HẢI TẶC HƯƠNG HỖN HỢP.*

Sampling date : 14/03/2025

The above information is submitted and identified by the client/applicant.
Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

Sample description : **Food in 04 aluminium containers**
Mô tả mẫu : *Thực phẩm chứa trong 04 vật chứa bằng nhôm*

Sample ID : **2503A-2598.005**
Mã số mẫu

Sampling information : Composited from 04 samples (2503A-2598.001 to 2503A-2598.004) as client`s requirement
Thông tin lấy mẫu : *Trộn từ 04 mẫu (2503A-2598.001 đến 2503A-2598.004) theo yêu cầu khách hàng*

Date sample(s) received : March 17, 2025
Ngày nhận mẫu : *17/03/2025*

Testing period : March 17, 2025 - March 28, 2025
Thời gian thử nghiệm : *17/03/2025 - 28/03/2025*

Test(s) requested : As applicant's requirement
Yêu cầu thử nghiệm : *Theo yêu cầu của khách hàng*

Test result(s) : Please refer to the next page(s)
Kết quả kiểm nghiệm : *Vui lòng tham khảo trang sau*

SGS Vietnam Ltd.
198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

TEST RESULT(S)
KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analyte *Chỉ tiêu phân tích*	Method *Phương pháp*	Result *Kết quả*	LOD	LOQ	Unit *Đơn vị*	Remark *Chú thích*
1. Crude protein *Đạm thô*	ISO 1871:2009	4.40	0.03	0.1	g/100g	N x 6.25
2. Ash *Tro*	NMKL No.173	0.27	0.02	0.06	g/100g	
3. Moisture (vacuum oven method, 70°C) *Độ ẩm (phương pháp sấy chân không, 70°C)*	AOAC 925.45	20.09	0.1	0.35	g/100g	
4. Total carbohydrate *Cacbohydrat tổng*	FAO Food and Nutrition Paper 77 (2003)(△)	74.93	-	-	g/100g	
5. Dietary fiber (High molecular weight dietary fiber HMW DF) *Xơ (Xơ phân tử cao HMW DF)*	AOAC 991.43	<0.4	0.1	0.4	g/100g	Note (F)
6. Calories (United States (US) market) *Năng lượng (Thị trường Mỹ (US))*	FAO Food and Nutrition Paper 77 (2003)(△)	320	-	-	kcal/100g	
7. Vitamin D (sum of vitamin D2 and vitamin D3) *Vitamin D (tổng của vitamin D2 và vitamin D3)*	ISO 20636:2018	Not Detected *Không phát hiện*	_(a)	_(a)	µg/100g	
8. Vitamin D2 (ergocalciferol) *Vitamin D2 (ergocalciferol)*	ISO 20636:2018	Not Detected *Không phát hiện*	0.1	0.3	µg/100g	
9. Vitamin D3 (cholecalciferol) *Vitamin D3 (cholecalciferol)*	ISO 20636:2018	Not Detected *Không phát hiện*	0.1	0.3	µg/100g	
10. Total sugars (as sucrose) *Đường tổng (quy về sucroza)*	LFOD-TST-SOP-8126 (Luff-Schoorl method)(△)	53.30	0.15	0.5	g/100g	
11. Total fat (sum of fatty acids, expressed as triglycerides) *Béo tổng (tổng của các axít béo, quy về triglycerides)*	LFOD-TST-SOP-8444 (GC-FID)	0.3106	0.0001	0.0003	g/100g	
12. Saturated fatty acids (SFA) *Hàm lượng axít béo bão hòa (SFA)*	LFOD-TST-SOP-8444 (GC-FID)	0.2553	0.0001	0.0003	g/100g	

SGS Vietnam Ltd.
198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Analyte *Chỉ tiêu phân tích*	Method *Phương pháp*	Result *Kết quả*	LOD	LOQ	Unit *Đơn vị*	Remark *Chú thích*
13. Trans fatty acids (TFA) (sum of C14:1 (trans-), C16:1 (trans-), C18:1 (trans-), C18:2 (trans-), C18:3 (trans-), C20:1 (trans-), and C22:1 n-9 (trans-)) *Axít béo dạng Trans (TFA) (tổng của C14:1 (trans-), C16:1 (trans-), C18:1 (trans-), C18:2 (trans-), C18:3 (trans-), C20:1 (trans-), và C22:1 n-9 (trans-))*	LFOD-TST-SOP-8444 (GC-FID)	Not Detected *Không phát hiện*	0.0001	0.0003	g/100g	
14. Cholesterol *Cholesterol*	LFOD-TST-SOP-8554	Not Detected *Không phát hiện*	0.3	1	mg/100g	
15. Sodium (Na) *Natri*	AOAC 2011.14	62	0.5	1	mg/100g	
16. Calcium (Ca) *Canxi*	AOAC 2011.14	6.1	0.5	1	mg/100g	
17. Iron (Fe) *Sắt*	AOAC 2011.14	0.17	0.025	0.05	mg/100g	
18. Potassium (K) *Kali*	AOAC 2011.14	46	0.5	1	mg/100g	

Note/*Ghi chú*:

- All methods were accredited with ISO 17025 by BoA or AOSC (without or with a triangle symbol (Δ) after the methods, respectively), except for the methods/analytes marked with an asterisk (*).
  Tất cả phương pháp được công nhận ISO 17025 bởi BoA hoặc AOSC (không có hoặc có kí hiệu hình tam giác (Δ) tương ứng ngay sau phương pháp), ngoại trừ những phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao (*).
- All methods were performed by SGS Vietnam Ltd (the ones marked with the superscript number one (¹) were performed by SGS Can Tho Lab), except for the ones that were done by subcontractors (their names were mentioned in the parentheses after the method) and marked with two asterisks (**) after the analyte name.
  Tất cả phương pháp thử được thực hiện bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH (phương pháp được đánh dấu với chữ số một bên trên (¹) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ), trừ các phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ (tên nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn ngay sau phương pháp) và được đánh dấu hai sao (**) sau tên chỉ tiêu.
- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.
  Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
- Testing time of all analytes was stated in the "Testing Period" (page 1) unless specified separately.
  Thời gian thử nghiệm của tất cả chỉ tiêu phân tích được đề cập tại "Thời gian thử nghiệm" (trang 1) trừ khi được chỉ rõ riêng.
- (US) Carbohydrate (total) factor: 4 kcal/g, Fat factor: 9 kcal/g, Protein factor: 4 kcal/g; 1 kcal = 4.184 kJ (Source: FAO - Food and Nutrition paper 77 (2003) & USDA Food Composition Databases).
  (US) Hệ số của carbohydrate tổng: 4 kcal/g, hệ số của chất béo: 9 kcal/g, hệ số của chất đạm: 4 kcal/g; 1 kcal = 4.184 kJ (Nguồn: FAO – Thực phẩm và Dinh dưỡng số 77 (2003) & Cơ sở dữ liệu dinh dưỡng thực phẩm quốc gia của USDA).
- (F) The result that was calculated by sum of insoluble dietary fiber (IDF) and high molecular weight soluble dietary fiber (HMW SDF) was not included with low molecular weight soluble dietary fiber (LMW SDF).

SGS Vietnam Ltd.
198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

(F) Kết quả được tính từ tổng hàm lượng xơ không hòa tan (IDF) và xơ hòa tan phân tử lượng cao (HMW SDF), không bao gồm xơ hòa tan phân tử lượng thấp (LMW SDF).

- LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.
  LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là Không phát hiện.

  LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as <LOQ. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below LOQ, or it was expressed as less than the sum of the individual LOQs of detected analytes when the concentration of all detected analytes was <LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g (or <10 cfu/mL) if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g (or <1 cfu/mL) if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g (or <100 cfu/mL) for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g (or 0 MPN/mL) for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g (or 1 mL) in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g (or 0 MPN/0.1mL) for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g (or 0.1 mL) in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).
  LOQ = Giới hạn định lượng. Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là <LOQ. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng, hoặc được biểu thị dưới dạng nhỏ hơn tổng của các LOQ riêng lẻ của các chất phân tích phát hiện khi nồng độ tất cả các chất phát hiện đều <LOQ. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đổ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g (hoặc <10 cfu/mL) nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g (hoặc <1 cfu/mL) nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g (hoặc <100 cfu/mL) đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/diện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ qui định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g (hoặc 0 MPN/mL) với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g (hoặc 1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g (hoặc 0 MPN/0.1mL) với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g (hoặc 0.1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất).

_(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum analyte.
_(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

SGS Vietnam Ltd.
198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS
Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

This report cancels and supersedes the report No. 0000891124: date April 10, 2025 issued by SGS Vietnam Ltd.
Báo cáo này hủy bỏ và thay thế cho báo cáo có mã số 0000891124: ngày 10/04/2025 được phát hành bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH.

*** END OF THE REPORT ***

Your feedback helps us improve our service.
Please scan and rate us here

Customer's feedback - Food Lab

Signed for and on behalf of
SGS Vietnam LTD.
Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam TNHH
Lâm Văn Xự

CÔNG TY SGS VIỆT NAM TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN

Lâm Văn Xự
Giám đốc Ngành Sức khỏe & Dinh dưỡng

SGS Vietnam Ltd.
198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Report N°: 2504220363

Ho Chi Minh City, Date: April 22, 2025
TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 22/04/2025

APPENDIX
PHỤ LỤC

JOB NO.: 2503A-2598
Đơn hàng: 2503A-2598

Sample ID: 2503A-2598.005: KING HAI TAC JELLY MIXED FLAVORS.
KẸO DẺO KING HẢI TẶC HƯƠNG HỖN HỢP.

NUTRITION FACT TABLE APPENDIX (VIETNAM MARKET)

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (Δ)			
Thành phần dinh dưỡng	Trên 100 g		% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)
Năng lượng	320	kcal	16%
Chất đạm	4,4	g	9%
Carbohydrat	74,9	g	23%
Đường tổng số	53,3	g	
Chất béo	0,3	g	1%
Chất béo bão hòa	0,3	g	1%
Natri	62	mg	3%
% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (nutrient reference values - NRV) là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 Kcal) của mỗi thành phần dinh dưỡng có trong 100 g hoặc 100 ml thực phẩm.			
(Δ) chỉ dùng để tham khảo. Khách hàng sẽ chịu trách nhiệm cho định dạng bảng thành phần dinh dưỡng cuối cùng công bố trên sản phẩm thực.			

Signed for and on behalf of
SGS Vietnam LTD.
Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam TNHH
Lâm Văn Xự

M.S.D.N: 0100114025-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY
SGS VIỆT NAM
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
QUẬN 3 - T.P. HỒ CHÍ MINH

Lâm Văn Xự
Giám đốc Ngành Sức khỏe & Dinh dưỡng

SGS Vietnam Ltd.
198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea – VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service (www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.
The authenticity of this document may be verified at
https://sgsonsite.sgs.com/en/v2/common/ecertificate/authenticateeCertificate.jsp.